

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06-12-2023

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Dũng

Ông Nguyễn Việt Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2023/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2023, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 423/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 307/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phan Thị Ngọc N, sinh năm 1996. (có mặt)

Địa chỉ: Số 89, Tổ 2, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đ.

Bị đơn: Nguyễn Hữu P, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Nhà trọ Z, phòng số 2, Tổ 8, Ấp 8, xã M, thành phố C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn Phan Thị Ngọc N trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị N và anh P kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn ngày 08/9/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố C, tỉnh Đ.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau khi có con, vợ chồng nảy sinh bất hòa, không cùng quan điểm. Anh P không còn chí thú làm kinh tế để có thu nhập mà thường xuyên uống rượu và đam mê cờ bạc gây nợ nần nên chị N P trả nợ nhiều lần. Công việc gia đình, con cái và kinh tế một mình chị N gánh vác. Chị N khuyên nhủ nhưng anh P không nghe, không quan tâm đến nghĩa vụ và trách nhiệm làm chồng, làm cha. Đã vậy, chị N sống chung gia đình

nhà chồng có những bất hòa ngoài ý muốn với mẹ chồng và chị chồng nên bản thân chị N rất khổ tâm, còn anh P thì nhu nhược không động viên chia sẻ. Vì vậy, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, không còn mặn nồng vui vẻ với nhau. Chị N bất mãn nhưng nghĩ còn con nhỏ nên cố gắng duy trì, hy vọng anh P sửa đổi nhưng dần dần đến nay anh P không biết cố gắng, vô trách nhiệm.

Tháng 3/2022, chị N và anh P cãi nhau, vì không thể tiếp tục ở chung nên chị N về nhà mẹ ruột ở. Thời gian xa nhau, anh P có gặp chị N để hàn gắn nhưng cư xử thiếu thiện cảm, thái độ hung hăng chửi mắng gia đình chị N những lời khó nghe. Tình cảm chị N và anh P rạn nứt nghiêm trọng, chị N không muốn hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với anh P.

Con chung: Chị N và anh P có 01 con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 17/01/2016. Hiện nay, con chung đang sống chung với anh P.

Trong thời gian chị N và anh P không sống chung với nhau (tháng 3 năm 2022) thì con chung tên Nguyễn Hữu T sống chung với anh P. Trong thời gian này, anh P không trực tiếp nuôi con chung mà đem gửi con ở nhiều nơi, lúc thì ở với ông bà nội, lúc thì ở với chị chồng của chị N nên sinh hoạt của con chung không ổn định. Anh P có thu nhập không ổn định, thường đi nhậu, không có thời gian chăm sóc con. Hiện nay bản thân của anh P ở phòng trọ thuê, cha mẹ ruột của anh P cũng ở trọ thuê, không có nhà cửa, đất đai.

Chị N đang làm việc tại Công ty (có xác nhận của Công ty), thu nhập của chị N ổn định, thu nhập cao có khả năng đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng con tốt hơn. Cha mẹ ruột của chị N cũng có điều kiện hỗ trợ về tài chính để chăm sóc con.

Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thu thập chứng cứ bị đơn Nguyễn Hữu P: Không gửi (nộp) văn bản ý kiến cho Tòa án.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh P nhưng anh P không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không có mặt tại các phiên tòa xét xử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Anh Nguyễn Hữu P có địa chỉ tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng

Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh P nhưng anh P không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không có mặt tại các phiên tòa xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị N và anh P được xác lập vào năm 2016, do chị N tự nguyện và thừa nhận, có đăng ký kết hôn ngày 08/9/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố C, tỉnh Đ nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại phiên tòa, chị N cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh P. Anh P không có mặt tại phiên tòa và không có ý kiến về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án thông báo cho anh P, yêu cầu anh P trình bày về quan hệ hôn nhân nhưng anh P vẫn không có ý kiến.

Xét thấy, chị N và anh P có nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, chị N được ly hôn với anh P, theo Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét con chung: Chị N và anh P có 01 con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 17/01/2016. Hiện nay, con chung đang sống chung với anh P. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tòa án thông báo cho anh P, yêu cầu anh P trình bày về con chung nhưng anh P vẫn không có ý kiến. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Con chung tên Nguyễn Hữu Trí, sinh ngày 17/01/2016 có nguyện vọng được sống chung với chị N. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N. Chị N được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 17/01/2016, hiện con đang sống với anh P. Buộc anh Nguyễn Hữu P giao con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 17/01/2016 cho chị N trực tiếp nuôi, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung; Anh P không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[5] Xét tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung; Anh P cũng không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Ngọc N, chị Phan Thị Ngọc N được ly hôn với anh Nguyễn Hữu P.

2. Con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Ngọc N, chị Phan Thị Ngọc N được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 17/01/2016.

Buộc anh Nguyễn Hữu P giao con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 17/01/2016 cho chị Phan Thị Ngọc N trực tiếp nuôi, hiện con chung đang sống chung với anh P.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí: Chị Phan Thị Ngọc N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007062 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị Phan Thị Ngọc N đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Hữu P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

5. Chị Phan Thị Ngọc N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hữu P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người P thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TPCL;
- Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố C, tỉnh Đ. (Giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 08/9/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Liên